

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 06/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm quân nhân:

+ 1// Đoàn Văn Duẩn;

+ 4/ Lê Minh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Trần Văn Minh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 tham gia phiên tòa: 2// Cao Phi Cương, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 15/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 24/01/2025 đối với bị cáo:

Khúc Hồng H; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 07/12/1986 tại Thành phố H; HKTT: Số 4 ngách 35/45 C, phường C, quận Đ, Thành phố H; nơi cư trú: Căn hộ L1 30.10 V, số 720A Đ, p.22, quận B, Thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh thuộc Chi nhánh Công ty TNHH MTV H; con ông Khúc Nguyên S và bà Trần Thị Diệu H; bị cáo có chồng là Vũ Minh T, sinh năm 1984; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; bị khởi tố ngày 25/10/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Dương Tuấn L, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV V, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

+ Ông Lê Ngô T, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV V, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Vũ Minh T, sinh năm 1984 tại Q; nơi cư trú: 95/2/16 B, p.13, quận B, Thành phố H; nghề nghiệp: Viên chức Quốc phòng (Hiện đang thi hành án tại Trại giam quân sự khu vực miền Nam QK7); có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Tú A; vắng mặt.

2. Phạm Thị B; vắng mặt.

3. Thạch Văn Đ; vắng mặt.

4. Nguyễn Khắc T; vắng mặt.
5. Ái Cẩm B; vắng mặt.
6. Trương Tấn A; vắng mặt.
7. Lê Thị T; vắng mặt.
8. Trương Mạnh P; vắng mặt.
9. Nguyễn Thị Linh A; vắng mặt.
10. Lê Văn L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2021, Khúc Hồng H là Nhân viên kinh doanh thuộc Chi nhánh Công ty TNHH MTV H thuê Công ty 7S (Công ty 7S) thành lập doanh nghiệp tại Singapore là Công ty B PTE.LTD (Công ty B), ngành nghề: Kinh doanh xuất, nhập khẩu các loại hàng hóa; Giám đốc và chủ sở hữu 100% vốn là Vũ Minh T (chồng H), trú tại: 95/2/16 B, P.13, quận B, Thành phố H; ông Soh Chin H (quốc tịch Singapore) là đồng Giám đốc và ông Hui Chung Y (quốc tịch Singapore) là thư ký, thực tế ông Soh Chin H và ông Hui Chung Y không tham gia điều hành hoạt động Công ty B. Mọi hoạt động của Công ty B do H điều hành và quản lý con dấu công ty, dấu chữ ký của ông Soh Chin H tại Việt Nam.

Ngày 22/4/2022, Khúc Hồng H đăng ký thành lập Công ty TNHH W (Công ty W), trụ sở số 509 L, KP5, phường T, thị xã P, tỉnh B do H làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Ngày 24/5/2022, Công ty W được Bộ Công thương cấp Giấy phép phân phối rượu và nhiều lần cấp phép bổ sung. Ngày 21/9/2022, Công ty W được đăng ký đổi tên thành Công ty TNHH I (Công ty I). Khúc Hồng H thuê Công ty A (Công ty A) lưu giữ hàng hóa, làm dịch vụ đóng hàng và thủ tục hải quan tại Singapore. Từ tháng 08/2022 đến tháng 10/2023, Công ty I mua của Công ty BRL 09 lô rượu nhập khẩu về Việt Nam bán cho Công ty TNHH TMDV và XNK Đ (Công ty Đ) tại 408 T, P.7, Q.5, Thành phố H do Lê Văn L làm Giám đốc. Ngoài việc thanh toán theo giá trị hóa đơn do Công ty I xuất thì Lê Văn L phải thanh toán ngoài hóa đơn theo thỏa thuận, số tiền này được L trả cho H bằng tiền mặt. Để thanh toán số tiền chênh lệch còn phải trả cho Công ty BRL, H yêu cầu Nguyễn Thị Tú A là nhân viên kế toán làm việc cho H liên hệ với Thạch Văn Đ, là chủ Cửa hàng Vàng bạc V tại 52 H, phường H, quận H, Thành phố H để chuyển tiền dịch vụ.

Các lần thực hiện hành vi trốn thuế của Khúc Hồng H cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Công ty A làm thủ tục hải quan xuất lô 1.920 thùng rượu và được Hải quan Singapore cấp Giấy phép thông quan hàng hóa số OO2H985509L với giá trị là 247.147,97 SGD (đô la Singapore) tương đương 178.203 USD (đô la Mỹ), quy đổi tương đương là 4.143.219.750 đồng. Ngày 18/8/2022, Công ty W mở tờ khai nhập khẩu số 104910761761 lô 1.920 thùng rượu tại Chi cục Hải quan khu vực 1, trị giá khai báo nhập khẩu là 56.287,2 USD, tương đương 1.308.677.400 đồng, giảm giá trị so với Giấy phép thông quan hàng hóa số OO2H985509L là 121.915,8 USD, tương đương 2.834.542.350 đồng; căn cứ trị giá khai báo, Chi cục Hải quan khu vực 1 xác định số thuế phải nộp là

2.135.434.348 đồng (trong đó thuế nhập khẩu là 588.904.830 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 1.233.428.450 đồng và thuế GTGT là 313.101.068 đồng). Công ty W đã nộp 2.135.434.348 đồng thuế. Qua khai báo giảm giá trị, H đã trốn thuế là 4.625.264.479 đồng (trong đó thuế nhập khẩu là 1.275.544.058 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 2.671.556.164 đồng và thuế GTGT là 678.164.257 đồng). H bán lô rượu này cho Lê Văn L.

Lần thứ hai: Công ty A làm thủ tục hải quan xuất lô 1.931 thùng rượu và được Hải quan Singapore cấp Giấy phép thông quan hàng hóa số OO2I011390X với giá trị là 353.276,24 SGD, tương đương 257.573,21 USD, quy đổi tương đương là 6.113.500.139 đồng. Ngày 12/10/2022, Công ty I mở tờ khai nhập khẩu số 105026259551 lô 1.931 thùng rượu tại Chi cục Hải quan khu vực 1, trị giá khai báo nhập khẩu là 76.586,7 USD, tương đương 1.817.785.324,5 đồng, giảm giá trị so với Giấy phép thông quan hàng hóa số OO2I011390X là 180.986,3 USD, tương đương 4.295.714.814,5 đồng; căn cứ trị giá khai báo, Chi cục Hải quan khu vực 1 xác định số thuế phải nộp là 2.966.171.203 đồng (thuế nhập khẩu là 818.003.396 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 1.713.262.668 đồng và thuế GTGT là 434.905.139 đồng). Công ty I đã nộp 2.966.171.203 đồng thuế. H yêu cầu B chỉnh sửa thông tin trong Giấy phép thông quan hàng hóa từ tên nhà xuất khẩu “A PTE LTD” thành “B PTE.LTD”, loại tiền thanh toán chỉnh sửa từ SGD (đô la Singapore) thành USD (đô la Mỹ) và giá các loại rượu được chỉnh sửa giảm xuống bằng giá trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán giữa Công ty B với Công ty I do H lập trước đó. Công ty I thanh toán chuyển khoản cho Công ty B bằng giá trị hợp đồng, hóa đơn do H soạn thảo thông qua Ngân hàng BIDV-Chi nhánh C. B thực hiện nội dung yêu cầu trên của H và chuẩn bị hồ sơ bổ sung gồm: Bản sao y Hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, vận đơn tàu, chứng từ thanh toán (điện chuyển tiền quốc tế), hóa đơn GTGT của Công ty I bán cho Công ty Đ và Giấy phép thông quan hàng hóa (đã chỉnh sửa) chuyển cho Trương Tấn A cùng Giấy ủy quyền do H ký để Trương Tấn A đại diện cho Công ty I nộp bổ sung và thực hiện thủ tục tham vấn giá. Qua khai báo giảm giá trị, H đã trốn thuế là 7.009.532.649 đồng (trong đó thuế nhập khẩu là 1.933.071.667 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 4.048.711.213 đồng, thuế GTGT là 1.027.749.769 đồng).

Như vậy, qua việc khai giảm giá trị hai lô 1.920, 1.931 thùng rượu, Khúc Hồng H đã khai giảm giá trị thực tế lô hàng để trốn thuế với tổng số tiền là 11.634.797.128 đồng (trong đó, lô 1.920 thùng rượu là 4.625.264.479 đồng và lô 1.931 thùng rượu là 7.009.532.649 đồng). Ngoài 02 lô thùng rượu trên thì H còn nhập 07 (bảy) lô thùng rượu khác nhưng không xác định được H có trốn thuế.

Tại phiên tòa, bị cáo Khúc Hồng H thừa nhận tất cả hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mô tả. Bị cáo cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã xâm phạm các quy định pháp luật về quản lý thuế, làm thất thu ngân sách nhà nước.

Người làm chứng Nguyễn Thị Tú A có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi thấy giá nhập thường cao hơn thông tin thể hiện giá kê khai hải quan đối với từng loại rượu, việc kê khai như vậy để giảm số thuế phải nộp khi thông quan, tôi không nhớ bao nhiêu lô hàng.

Người làm chứng Phạm Thị B có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi làm theo chỉ đạo thực hiện một số việc của Công ty I; trực tiếp soạn thảo hợp đồng thương mại theo yêu cầu của chị H, hợp đồng thể hiện Công ty B bán cho Công ty I số lượng, chủng loại rượu, giá trị lô hàng. Sau khi soạn xong, chị H kiểm tra lại và bảo tôi mang dấu Công ty B, dấu chữ ký giám đốc Công ty B để chị H đóng dấu vào bên Công ty B (các dấu chị H giao tôi giữ) và chị H ký vào bên Công ty I, vận đơn do bên Công ty U soạn và gửi cho Ái Cẩm B. Các chứng từ nộp hải quan do Trương Tấn A làm. Theo tôi giá trị lô hàng 1.931 thùng rượu có giá 257.573,21 USD nhưng được kê khai là 76.586,70 USD sẽ giảm số tiền thuế phải nộp với nhà nước. Lô 1.920 giấy phép thông quan bản gốc trong máy tính Ái Cẩm B có giá trị là 176.309,5 USD theo tỷ giá tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) số 104910761761 ngày 18/8/2022 là 23.250 đồng/1 USD. Giấy phép thông quan hàng hóa lô 1.920 đã chỉnh sửa tên doanh nghiệp từ A PTE.LTD thành B PTE.LTD và tổng giá trị các loại rượu được chỉnh sửa giảm xuống còn 56.287,2 USD.

Người làm chứng Thạch Văn Đ có lời khai tại cơ quan điều tra: Số tiền 4.880.000.000 đồng là tiền chỗ cô A ở TP.H chuyển, người chuyển là Trương Mạnh P, nội dung chuyển ghi “chuyển tiền cho A.D”, tôi giao Nguyễn Khắc T đi rút ở ngân hàng, sau đó thực hiện theo tin nhắn của A, khi có người cô A đến tôi giao tiền cho họ, sau khi đã trừ chi phí dịch vụ.

Người làm chứng Nguyễn Khắc T có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi mở nhiều tài khoản các ngân hàng khác nhau theo yêu cầu của anh Đ, do anh Đ quản lý, khi nào bảo tôi đi rút tiền thì tôi đi. Mỗi lần có khách hàng gửi thì anh Đ bảo tôi đi rút mang về cửa hàng cho anh Đ.

Người làm chứng Ái Cẩm B có lời khai tại cơ quan điều tra: Khoảng 7/2021, chị H giao tôi tìm dịch vụ làm thủ tục thành lập Công ty tại Singapore, sau đó chị H trực tiếp làm việc với Công ty 7S tại TP.H, đến 9/2021 thì Công ty B được thành lập tại Singapore, có giấy đăng ký kinh doanh vốn điều lệ 100.000 USD do anh T chủ sở hữu 100% vốn, gồm 2 người đồng giám đốc là anh T và ông Soh Chin H quốc tịch Singapore, thư ký: Hui Chung Y quốc tịch Singapore, ngành nghề kinh doanh là xuất nhập khẩu các mặt hàng (không được bán hàng trong nội địa), con dấu của Công ty B được Công ty 7S giao cho anh T, chị H quản lý tại Việt Nam. Công ty B xuất hàng về Việt Nam, Công ty I nhận do chị H là đại diện theo pháp luật. Tôi được chị H giao làm thủ tục nhập khẩu rượu từ Singapore về Việt Nam 02 lần: Tháng 7/2022 lô hàng 1.920, tháng 9/2022 lô hàng 1.931; Theo phiếu xuất kho và Giấy phép thông quan hàng hóa Công ty A gửi về cho tôi qua mail khi họ đóng hàng và giao hàng cho Công ty U là lô 1.920 thùng rượu có tổng giá trị là 247.147,97 SGD và lô 1.931 thùng rượu có tổng giá trị là 353.276,24 SGD.

Người làm chứng Trương Tấn A có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi làm nhiệm vụ giao nhận xuất nhập khẩu và giao nhận hiện trường; mỗi lần có hàng từ nước ngoài về thì kế toán Phạm Thị B đưa hồ sơ gồm: Hợp đồng thương mại, hóa đơn, bảng kê danh mục hàng hóa, các tài liệu khác, khi cần thiết hải quan nghi vấn về hàng hóa, yêu cầu cung cấp giấy thông quan hàng hóa của bên bán. Việc

công ty bán cho ai, giá thế nào tôi không biết. Tôi chỉ hưởng lương theo tháng do anh T trả, không có hưởng lợi gì thêm.

Người làm chứng Lê Thị T có lời khai tại cơ quan điều tra: Công ty I do chị H làm giám đốc, đại diện theo pháp luật, kinh doanh rượu; tôi chỉ thực hiện việc nộp tiền vào tài khoản của Công ty I khi có yêu cầu của chị H hoặc anh T; các đề nghị thanh toán là do Phạm Thị B theo dõi và đề nghị.

Người làm chứng Trương Mạnh P có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi là nhân viên kinh doanh bán hàng của Công ty S, ngoài ra anh T và nhân viên phòng kế toán Công ty T giao nhiệm vụ đi nộp, rút tiền từ ngân hàng. Tôi làm hưởng lương tháng, việc chuyển tiền tôi không hưởng lợi gì.

Người làm chứng Nguyễn Thị Linh A có lời khai tại cơ quan điều tra: Mọi người trong Công ty thu tiền về làm giấy nộp và nộp tiền mặt cho Lê Thị T là thủ quỹ của Công ty T, T thu tiền xong đưa giấy nộp tiền cho tôi, căn cứ vào đó tôi lập phiếu thu. Tôi không xác định được của Công ty nào nộp; số tiền trên có nhập quỹ tiền mặt hay hạch toán vào sổ tài chính cụ thể công ty nào, chỉ ra sao tôi không biết. Tôi làm việc chỉ hưởng lương tháng.

Người làm chứng Lê Văn L có lời khai tại cơ quan điều tra: Công ty kinh doanh các mặt hàng rượu và bánh; Công ty I đã 03 lần bán lô hàng rượu cho Công ty Đ: Ngày 27/9/2022 bán lô hàng 05 loại rượu với số lượng 7.200 chai, tổng tiền 2.461.602.000 đồng; 14/10/2022 bán lô hàng 25 loại rượu với số lượng 18.726 chai, tổng tiền 5.090.319.960 đồng; 08/12/2022 bán lô hàng 16 loại rượu với số lượng 12.894 chai, tổng tiền 4.550.987.100 đồng. Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Số tiền 5.600.000.000 đồng là chi phí Marketing của lô hàng 25 loại rượu, tôi đưa trực tiếp bằng tiền mặt nhiều lần, địa điểm là trụ sở Công ty chị H ở B, quận B, TP.H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vũ Minh T có lời khai tại phiên tòa: Tôi và vợ kinh doanh các mảng khác nhau, tôi chỉ theo dõi về hoạt động thế chấp xe và bất động sản; các tài sản, đồ vật mà cơ quan điều tra thu giữ của Công ty T ngày 17, 18/02/2023, đây là tài sản của bố ruột tôi quản lý, sở hữu. Sau khi bố tôi mất, tôi tiếp quản và các tài sản trên do tôi sở hữu, quản lý đến khi bị khám xét, thu giữ phục vụ cho công tác điều tra. Do đó, tôi có yêu cầu lấy lại các tài sản trên.

Bản Kết luận Giám định Tư pháp ngày 27/9/2023 của Hội đồng Giám định Tư pháp, Tổng Cục Hải quan lô hàng 1.931 thùng: Tổng số tiền thuế phải nộp đối với lô hàng rượu của Công ty TNHH I tại tờ khai hải quan nhập khẩu số 105026259551/A11/02CI ngày 12/10/2022 là 9.975.703.852 đồng, trong đó số tiền thuế công ty đã nộp: 2.966.171.203 đồng, số tiền thuế thiếu công ty còn phải nộp là: 7.009.532.649 đồng (trong đó: thuế nhập khẩu là 1.933.071.667 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 4.048.711.213 đồng, thuế GTGT là 1.027.749.769 đồng).

Bản Kết luận Giám định Tư pháp ngày 14/6/2024 của HĐGDTP, Tổng Cục Hải quan lô hàng 1.920 thùng: Tổng số tiền thuế phải nộp đối với lô hàng rượu của Công ty TNHH I tại tờ khai hải quan nhập khẩu số 104910761761 ngày 30/9/2022 là 6.760.698.827 đồng, trong đó số tiền thuế công ty đã nộp: 2.135.434.348 đồng, số tiền thuế thiếu công ty còn phải nộp là: 4.625.264.479

đồng (trong đó: thuế nhập khẩu là 1.275.544.058 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt là 2.671.556.164 đồng, thuế GTGT là 678.164.257 đồng).

Yêu cầu định giá tài sản số 02/YC-ĐGTS ngày 19/7/2024: Công ty B do Khúc Hồng H thành lập tại Singapore, các cá nhân có quốc tịch Singapore có tên trong giấy phép kinh doanh được thuê đứng tên nhưng không tham gia hoạt động của công ty và được H trả phí hàng năm thông qua Công ty 7S địa chỉ: Số 9, phố D, phường D, quận C, Thành phố H. Khúc Hồng H trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu các loại rượu của Công ty B, Công ty TNHH W (sau đổi tên là Công ty TNHH I). Từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022, Khúc Hồng H nhập khẩu qua cảng C, thành phố H hai lô rượu ngoại nêu trên, trong đó H đã lập hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại không đúng giá trị thực tế, sau đó sử dụng con dấu của Công ty B và dấu chữ ký của ông Soh Chin H (Giám đốc chỉ định) do H quản lý tại Việt Nam đóng vào các tài liệu, chứng từ liên quan đến Công ty B và chỉnh sửa giấy phép thông quan hàng hóa đối với lô 1.920 và 1.931 thùng rượu ngoại mục đích trốn thuế khi khai báo nhập khẩu với tổng số tiền là 11.634.797.128 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 6290/KL-HĐĐGTS ngày 29/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố, UBND Thành phố H; Biên bản họp; báo cáo thuyết minh giải trình: 1.920 thùng rượu theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 104910761761 ngày 18/8/2022: 10.903.918.577 đồng; 1.931 thùng rượu theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 105026259551 ngày 12/10/2022: 16.089.203.992 đồng.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Khúc Hồng H về tội: “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 BLHS. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 200 BLHS; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Khúc Hồng H 1.000.000.000 đồng. Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 200 BLHS; Điều 41 BLHS bị cáo Khúc Hồng H phải chịu hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế, làm công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh trong thời hạn 03 năm.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.634.797.128 đồng đây là số tiền bị cáo trốn thuế. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án Khúc Hồng H đã khắc phục xong số tiền trên nên ghi nhận. (Biên lai thu tiền ngày 22/11/2024, số 0002838: 9.634.800.000 đồng của Phòng THAQK7; Biên lai thu tiền ngày 06/11/2024, số 0002837: 2.000.000.000 đồng của Phòng THAQK7.).

Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) ổ cứng Samsung model HD253GJ; 01 (Một) ổ cứng có chữ Hikvision SSD C100; 01 (Một) ổ cứng có chữ Eekoo V100 256GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Seagate 250GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Kingston 240GB. Tất cả không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong; 01 (Một) ổ cứng máy

tính của Trương Tấn A (Có chữ: Model: VSP-120G QVE; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, PP/N; NNDWG A00 PCH, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) ổ cứng máy tính của Trương Tấn A (Có chữ S/N: W3TKP3NJ; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, PP/N; NNDWG A00 PCH, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) ổ cứng máy tính bàn của Ái Cẩm B (Có chữ: Seagate, S/N: 9VMFJVA7; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, Tyre: D07D001, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Xigmatek; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Serial No: 06CGVZT; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Server Serial Number: CN700405CA; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) ổ cứng WD Element lưu dữ liệu phần mềm kế toán Misa (Có chữ P/N: WDBUZG0010BBK-0B; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Đây là tài sản của Vũ Minh T, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Vũ Minh T.

- 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, có dòng chữ Orico Leading Technology, ký hiệu số 1. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất dữ liệu của 05 ổ cứng sau khi giám định; 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, có dòng chữ Orico Leading Technology, ký hiệu số 2. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất dữ liệu điện thoại Iphone màu xám của Khúc Hồng H; 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, bạc, có dòng chữ Seagate One Touch, P/N: 3FRAPD-500 4TB, ký hiệu số 3. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất từ CPU máy tính của Công ty T (Có chữ P/N: 3FRAPD-500 S/N: NABXO1XW; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Theo quy định tại Điều 86; điểm c khoản 1 Điều 87; 99; 107 BLTTHS thì, xác định đây là tài liệu, dữ liệu điện tử nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) điện thoại Iphone màu xám của Khúc Hồng H (Không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động, bề màn hình, kiểm tra Imei qua khe sim: Không có). Thực nhận sau khi mở niêm phong là màu tím. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Khúc Hồng H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- 01 (Một) con dấu chữ ký Soh Chin H; 01 (Một) con dấu Công ty B; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH W; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH I. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Khúc Hồng H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03/2025/HSST-QĐ ngày 28/02/2025 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 693450, số vào sổ: CH 06666, được UBND huyện C, Thành phố H cấp ngày 04/6/2019, ngày 21/6/2019

cập nhật sang tên Vũ Minh T, CMND: 100807185, địa chỉ thường trú: 95/2/16 B, p.13, quận B, Thành phố H, theo hồ sơ chuyển nhượng số 002985.CN.001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 693449, số vào sổ: CH 06696, được Sở TN&MT Thành phố H cấp ngày 21/6/2019 mang tên Vũ Minh T, CMND: 100807185, địa chỉ thường trú: 95/2/16 B, p.13, quận B, Thành phố H. Trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp, có cơ sở.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo Khúc Hồng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Khúc Hồng H nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, tuy nhiên cần xác định bị cáo Khúc Hồng H làm thất thoát tiền thuế của nhà nước là hơn 11.000.000.000 đồng chứ không phải hưởng lợi; hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung; xem xét việc xử lý đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận trong bản án.

Đôi đáp với ý kiến bào chữa của Luật sư, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo Khúc Hồng H đồng ý với nội dung bào chữa của các Luật sư cũng như luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng. Trong lời tự bào chữa, bị cáo không có bào chữa gì thêm cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình cho hưởng sự khoan hồng của pháp luật, hưởng mức án nhẹ nhất để có điều kiện chăm sóc con nhỏ và gia đình; hoàn thành nghĩa vụ đối với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Hình sự, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện kiểm sát quân sự khu vực 71, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, lời khai các đương sự có mặt cũng như vắng mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Khúc Hồng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, đương sự khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, như: Qua việc khai giảm giá trị hai lô 1.920, 1.931 thùng rượu để trốn thuế với tổng số tiền là 11.634.797.128 đồng (trong đó, lô 1.920 thùng rượu là 4.625.264.479 đồng và lô 1.931 thùng rượu là 7.009.532.649 đồng); Bản Kết luận giám định tư pháp ngày 27/9/2023 của Hội đồng Giám định Tư pháp, Tổng Cục Hải quan lô hàng 1.931 thùng; Bản Kết luận giám định tư pháp ngày 14/6/2024 của HĐGDTP, Tổng Cục

Hải quan lô hàng 1.920 thùng; Kết luận định giá tài sản số 6290/KL-HĐĐGTS ngày 29/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố, UBND TP.H;...

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Vì động cơ vụ lợi, ngày 18/8/2022 và ngày 12/10/2022 Khúc Hồng H là Giám đốc Công ty TNHH I mua hàng là rượu hai lô 1.920, 1.931 thùng và đã khai giảm trị giá thực tế của 02 lô hàng rượu nhập khẩu từ Công ty B tại Singapore về Việt Nam tại Cảng C, Thành phố H khi làm thủ tục khai báo hải quan điện tử nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 nhằm mục đích trốn thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Lô 1.920 thùng rượu là 4.625.264.479 đồng, lô 1.931 thùng rượu là 7.009.532.649 đồng, tổng cộng số tiền thuế trốn là 11.634.797.128 đồng. Vì vậy, hành vi của Khúc Hồng H đủ yếu tố cấu thành tội: “Trốn thuế” được quy định tại khoản 3 Điều 200 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Đối với ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Khúc Hồng H về việc bị cáo làm thất thoát tiền thuế của nhà nước chứ không phải hưởng lợi; xem xét việc xử lý đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận trong bản án. Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự; hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có cha ruột là người có công với nước. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Khúc Hồng H 02 lần trốn thuế, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra, xem xét lượng hình cho bị cáo Khúc Hồng H về hoàn cảnh gia đình, có con còn nhỏ bị bệnh bẩm sinh, không người chăm sóc; làm thiện nguyện cho xã hội; cha, mẹ đều già yếu. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng không có cơ sở chấp nhận vì, căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; bị cáo chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm các quy định pháp luật về quản lý thuế, làm thất thu ngân sách nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội và những thiệt hại đã xảy ra. Xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; đã khắc phục xong thiệt hại nên có cơ sở để xem xét lượng hình cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở áp dụng khoản 1, 3 Điều 35 BLHS cũng có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý

thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi của bị cáo Khúc Hồng H cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế và làm công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 200; Điều 41 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở, tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo để ấn định thời gian cho phù hợp.

Đối với ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Khúc Hồng H về việc hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Hội đồng xét xử thấy rằng không có cơ sở chấp nhận vì, căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã làm thất thoát tiền thuế của nhà nước với số tiền rất lớn.

[6] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Khúc Hồng H phải nộp lại số tiền đã trốn thuế các lô hàng 1.920, 1.931 là 11.634.797.128 đồng, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án bị cáo đã nộp lại và khắc phục xong số tiền trên nên ghi nhận.

[7] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Cơ quan Điều tra Hình sự, Bộ Quốc phòng đã thu giữ các vật chứng, dữ liệu điện tử, các tài liệu, đồ vật khác; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/11/2024 giữa Cơ quan Điều tra Hình sự Bộ Quốc phòng với Phòng thi hành án Quân khu 7 và phụ lục thống kê vật chứng vụ án kèm theo gồm:

- 01 (Một) ổ cứng Samsung model HD253GJ; 01 (Một) ổ cứng có chữ Hikvision SSD C100; 01 (Một) ổ cứng có chữ Eekoo V100 256GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Seagate 250GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Kingston 240GB. Tất cả không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong; 01 (Một) ổ cứng máy tính của Trương Tấn A (Có chữ: Model: VSP-120G QVE; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, PP/N; NNDWG A00 PCH, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) ổ cứng máy tính của Trương Tấn A (Có chữ S/N: W3TKP3NJ; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, PP/N; NNDWG A00 PCH, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) ổ cứng máy tính bàn của Ái Cẩm B (Có chữ: Seagate, S/N: 9VMFJVA7; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Lấy từ CPU DELL, Model: D07D, Tyre: D07D001, theo biên bản khám xét ngày 17/02/2023; 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Xigmatek; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Serial No: 06CGVZT; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) CPU máy tính của Công ty T (Có chữ Server Serial Number: CN700405CA; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong); 01 (Một) ổ cứng WD Element lưu dữ liệu phần mềm kế toán Misa (Có chữ P/N: WDBUZG0010BBK-0B; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Đây là các tài sản thu giữ từ việc khám xét, giao nộp ngày 17/02/2023, 18/02/2023 của Cơ quan

Điều tra Hình sự từ Công ty T thuộc sở hữu, quản lý hợp pháp của Vũ Minh T và tại phiên tòa Vũ Minh T có yêu cầu nhận lại các tài sản trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Vũ Minh T các tài sản trên là phù hợp, có căn cứ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

- 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, có dòng chữ Orico Leading Technology, ký hiệu số 1. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất dữ liệu của 05 ổ cứng sau khi giám định; 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, có dòng chữ Orico Leading Technology, ký hiệu số 2. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất dữ liệu điện thoại Iphone màu xám của Khúc Hồng H; 01 thiết bị lưu trữ ổ cứng màu đen, bạc, có dòng chữ Seagate One Touch, P/N: 3FRAPD-500 4TB, ký hiệu số 3. Đây là ổ cứng do C09/BCA giám định và trích xuất từ CPU máy tính của Công ty T (Có chữ P/N: 3FRAPD-500 S/N: NABXO1XW; không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong). Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 86; điểm c khoản 1 Điều 87; 99; 107 BLTTHS thì, xác định đây là tài liệu, dữ liệu điện tử nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) điện thoại Iphone màu xám của Khúc Hồng H (Không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động, bề màn hình, kiểm tra Imei qua khe sim: Không có). Thực nhận sau khi mở niêm phong là màu tím. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là công cụ, phương tiện bị cáo Khúc Hồng H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- 01 (Một) con dấu chữ ký Soh Chin H; 01 (Một) con dấu Công ty B; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH W; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH I. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là công cụ, phương tiện bị cáo Khúc Hồng H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03/2025/HSST-QĐ, ngày 28/02/2025 gồm: Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Xã H, huyện C, thành phố H; diện tích: 13327,3m² (đất ở nông thôn 3547,3m² đất trồng cây lâu năm 9780m²); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 693450, số vào sổ: CH 06666, được UBND huyện C, thành phố H cấp ngày 04/6/2019, ngày 21/6/2019 cập nhật sang tên Vũ Minh T, CMND: 100807185, địa chỉ thường trú: 95/2/16 B, p.13, quận B, Thành phố H, theo hồ sơ chuyển nhượng số 002985.CN.001 và Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Xã H, huyện C, thành phố H; diện tích: 1567m² (đất ở nông thôn 1545,7m² đất trồng cây hàng năm khác 21,3m²); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 693449, số vào sổ: CH 06696, được Sở TN&MT Thành phố H cấp ngày 21/6/2019 mang tên Vũ Minh T, CMND: 100807185, địa chỉ thường trú: 95/2/16 B, p.13, quận B, Thành phố H. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản hợp pháp, không liên quan, ảnh hưởng đến việc xử lý, giải quyết vụ án và để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giao dịch,

đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng nên việc trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp, có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Khúc Hồng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Khúc Hồng H phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 35 BLHS, xử phạt Khúc Hồng H 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200; Điều 41 BLHS cấm bị cáo Khúc Hồng H đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế, làm công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS buộc bị cáo Khúc Hồng H nộp lại số tiền 11.634.797.128 (Mười một tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tám) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo Khúc Hồng H đã nộp lại đủ số tiền trên.

(Biên lai thu tiền ngày 22/11/2024, số 0002838: 9.634.800.000 đồng của Phòng Thi hành án QK7; Biên lai thu tiền ngày 06/11/2024, số 0002837: 2.000.000.000 đồng của Phòng Thi hành án QK7)

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Vũ Minh T: 01 (Một) ổ cứng Samsung model HD253GJ; 01 (Một) ổ cứng có chữ Hikvision SSD C100; 01 (Một) ổ cứng có chữ Eekoo V100 256GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Seagate 250GB; 01 (Một) ổ cứng có chữ Kingston 240GB; 02 (Hai) ổ cứng máy tính của Trương Tấn A; 01 (Một) ổ cứng máy tính bàn của Ái Cẩm B; 03 (Ba) CPU máy tính của Công ty T; 01 (Một) ổ cứng WD Element lưu dữ liệu phần mềm kế toán Misa.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại Iphone màu xám của Khúc Hồng H.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) con dấu chữ ký Soh Chin H; 01 (Một) con dấu Công ty B; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH W; 01 (Một) con dấu Công ty TNHH I.

(Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/11/2024 giữa Cơ quan Điều tra Hình sự, BQP với Phòng Thi hành án QK7 và phụ lục thống kê vật chứng vụ án)

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Khúc Hồng H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2025), bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- VKSQSTW;
- ĐTHSBQP;
- TAQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQSQK7;
- VKSQSKV71;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Lưu HS; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**